

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27/2017/DS-ST**

Ngày: 11 - 8 - 2017.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dịch vụ giữa*

Văn phòng luật sư P và ông H, bà Ch.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đ Trường** – Thẩm phán
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Đ Minh**
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B1, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*
Bà **Trương Thị Ngoan** – Kiểm sát viên.

Ngày **11** tháng **8** năm **2017**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 04/2016/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2016 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Văn phòng luật sư P**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị C**– Trưởng Văn phòng.

Địa chỉ: Số 179 đường Y- Khu phố 3- Phường X- Quận Th- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nông Văn N** sinh năm: 1989

Địa chỉ cư trú: Thôn 7- xã T- huyện B1- tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền lập ngày 28 tháng 12 năm 2015.

*** Bị đơn:** Vợ chồng ông **Nguyễn Duy H** sinh năm: 1962

và bà **Bùi Thị Ngọc Ch** sinh năm: 1967

Địa chỉ cư trú: Thôn 5- xã L- huyện B1- tỉnh Lâm Đồng

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Vợ chồng ông **Mai Văn R** sinh năm: 1958

và bà **Bùi Thị D** sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số 61/16 Đường số 4- Khu phố 4- Phường Q- Quận Th- Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N, ông H, bà Ch có mặt tại phiên tòa.

Ông R, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2015 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nông Văn N trình bày:

Ngày 10/9/2015 ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ủy quyền cho Văn phòng luật sư P tư vấn pháp luật và cử luật sư đại diện cho vợ chồng ông H, bà Ch thực hiện thủ tục khởi kiện vợ chồng ông Mai Văn R, bà Bùi Thị D về việc Tranh chấp đòi tài sản với mức phí dịch vụ thỏa thuận là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông H nhận lại được. Thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng Văn phòng luật sư P đã cử luật sư nộp đơn khởi kiện và được Tòa án quận Th, TP Hồ Chí Minh thụ lý. Sau khi được Tòa án triệu tập làm việc thì vợ chồng ông R, bà D thỏa thuận trả 2.160.000.000đ và được vợ chồng ông H, bà Ch đồng ý. Nên ngày 16/11/2015 vợ chồng ông R, bà D trả trước cho vợ chồng ông H, bà Ch số tiền 2.000.000.000đ đồng thời ông H rút đơn khởi kiện nên TAND quận Th đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó ngày 17/11/2015 vợ chồng ông R, bà D trả hết số tiền còn nợ là 160.000.000đ thông qua Văn phòng luật sư P.

Về thù lao theo Hợp đồng là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông H, bà Ch được nhận lại. Do số tiền vợ chồng ông H, bà Ch nhận lại là 2.160.000.000đ nên tổng số tiền thù lao là 280.800.000đ. Vợ chồng ông H đã thanh toán như sau: Ngày 10/9/2015 ông H thanh toán 20.000.000đ; Ngày 12/11/2015 ông H thanh toán tiếp 20.000.000đ; Ngày 17/11/2015 Văn phòng luật sư P nhận 160.000.000đ do vợ chồng ông R, bà D giao để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của vợ chồng ông H, bà Ch; Ngày 16/12/2015 Cục THADS quận Th hoàn trả tiền tạm ứng án phí và Văn phòng luật sư P đã nhận 18.992.000đ. Như vậy tổng số tiền mà VPLS P đã nhận được là 218.992.000đ. Vì vậy, Văn phòng luật sư P yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ch phải trả số tiền còn thiếu là 61.808.000đ và yêu cầu tính lãi suất 8%/năm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi thanh toán xong số tiền còn thiếu.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch trình bày:

Ngày 10/9/2015 ông H có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với VPLS P để tư vấn pháp luật và cử luật sư đại diện cho ông H thực hiện thủ tục khởi kiện vợ chồng ông Mai Văn R, bà Bùi Thị D về việc Tranh chấp đòi tài sản với mức phí dịch vụ thỏa thuận là 13% tính trên giá trị tài sản mà ông H nhận lại được. Thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc vụ việc kết thúc theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng VPLS P đã không thực hiện đúng những điều khoản mà các bên đã cam kết trong hợp đồng. Cụ thể: Phía ông H không nhận được bất cứ văn bản giấy tờ gì của TAND quận Th thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án. Ngày 15/11/2015 ông R tự gọi điện thoại cho bà Ch yêu cầu vợ chồng ông H về TP Hồ Chí Minh để trả nợ. Ngày 16/11/2015 hai bên đã gặp nhau và vợ chồng ông R, bà D đã trả cho ông H số tiền 2.000.000.000đ và xin nợ lại 160.000.000đ đến ngày 16/02/2016 sẽ trả hết. Sau khi nhận được tiền, ông H có đến VPLS P để tư vấn số tiền vợ chồng ông R còn nợ nhưng luật sư Đ đề nghị bỏ số tiền 160.000.000đ và yêu cầu ông H thanh toán đủ 13% của số tiền 2.000.000.000đ thì VPLS mới làm đơn xin rút đơn khởi kiện. Ông H không đồng ý với ý kiến của đại diện VPLS P, bởi vì ông H đã thỏa thuận với ông R cho

nợ số tiền còn thiếu trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 16/11/2015, nên ông H đã tự đến TAND quận Th để làm đơn rút đơn khởi kiện.

Theo ý kiến ông H thì vợ chồng ông bà không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của VPLS P. Ông H, bà Ch không đồng ý trả cho VPLS P số tiền 61.808.000đ.

Về số tiền mà ông H đã tạm ứng cho VPLS P theo hợp đồng đã ký thì ông H không yêu cầu giải quyết.

Còn về số tiền 160.000.000đ ông R đã trả mà VPLS P đã nhận thì ông H cho rằng ông không biết và không liên quan vì giấy nhận nợ gốc mà ông R ghi cho ông H hiện vẫn còn đang giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Mai Văn R, bà Bùi Thị D trình bày:

Vào năm 2015 vợ chồng ông R, bà D và vợ chồng ông H, bà Ch có xảy ra tranh chấp về vụ hùn tiền mua đất và vợ chồng ông R, bà D có vay tiền của vợ chồng ông H, bà Ch tổng cộng số tiền còn nợ là 2.161.000.000đ.

Tháng 10/2015 vợ chồng ông H, bà Ch ủy quyền cho luật sư Mai Trung Đ khởi kiện tại Tòa án quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã mời vợ chồng ông R, bà D đến làm việc rất nhiều lần. Sau đó, do sự tác động của luật sư Mai Trung Đ nên hai bên đã thỏa thuận đồng ý trả cho vợ chồng ông H, bà Ch số tiền trên. Vì vậy, vào ngày 16/11/2015 vợ chồng ông R, bà D đã trả cho vợ chồng ông H, bà Ch số tiền 2.000.000.000đ, còn nợ 160.000.000đ hẹn 03 tháng sẽ trả tiếp. Tuy nhiên, ngày 17/11/2015 vợ chồng ông R, bà D đã có tiền nên mang ra Văn phòng luật sư P để trả tiếp cho vợ chồng ông H, bà Ch. Việc vợ chồng ông R, bà D giao số tiền này cho luật sư Mai Trung Đ là vì khi Tòa án nhân dân Quận Th mời lên làm việc thì vợ chồng ông H, bà Ch nói giao cho luật sư Đ được toàn quyền quyết định. Như vậy, tranh chấp giữa vợ chồng ông R, bà D và vợ chồng ông H, bà Ch đã giải quyết xong. Còn việc tranh chấp giữa Văn phòng luật sư P và vợ chồng ông H, bà Ch thì vợ chồng ông R, bà D không có yêu cầu hay tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn phòng luật sư P đối với vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch phải trả cho Văn phòng luật sư P số tiền 61.808.000đ và tính lãi theo mức 8%/năm kể từ khi khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Đồng thời đại diện VKS đề nghị buộc đương sự phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Văn phòng luật sư P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ với vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Mai Văn R, bà Bùi Thị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn H hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Mai Văn R, bà Bùi Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Ngày 10/9/2015 ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ủy quyền cho Văn phòng luật sư P tư vấn pháp luật và cử luật sư đại diện cho vợ chồng ông H, bà Ch thực hiện thủ tục khởi kiện vợ chồng ông R, bà D về việc Tranh chấp đòi tài sản với mức phí dịch vụ thỏa thuận là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông H nhận lại được. Thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện, Văn phòng luật sư P đã cử luật sư nộp đơn khởi kiện và được Tòa án quận Th, TP Hồ Chí Minh thụ lý. Sau khi được Tòa án triệu tập làm việc và do tác động của luật sư đại diện thì vợ chồng ông R, bà D thỏa thuận trả 2.160.000.000đ và được vợ chồng ông H, bà Ch đồng ý. Nên ngày 16/11/2015 vợ chồng ông R, bà D trả trước cho vợ chồng ông H, bà Ch số tiền 2.000.000.000đ đồng thời ông H rút đơn khởi kiện nên TAND quận Th đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó ngày 17/11/2015 vợ chồng ông R, bà D trả hết số tiền còn nợ là 160.000.000đ thông qua Văn phòng luật sư P. Như vậy, Văn phòng luật sư P đã thực hiện đúng những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng dịch vụ.

Vợ chồng ông H, bà Ch thì cho rằng phía Văn phòng luật sư P đã không thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng đã ký; việc thỏa thuận trả nợ là do vợ chồng ông H, bà Ch và vợ chồng ông R, bà D tự thực hiện mà không hề có sự tác động của luật sư đại diện. Tuy nhiên, qua xác minh thì vợ chồng ông R, bà D khẳng định việc thỏa thuận trả nợ là do Tòa án nhân dân Quận Th mời lên làm việc và do tác động của luật sư Mai Trung Đ. Việc vợ chồng ông R, bà D trả nợ cho vợ chồng ông H, bà Ch nằm trong thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý mà hai bên đã ký kết ngày 10/9/2015. Vì vậy, lời khai của vợ chồng ông H, bà Ch là không phù hợp nên không được chấp nhận. Văn phòng luật sư P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ch phải thanh toán số tiền còn thiếu là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thù lao theo Hợp đồng là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông H, bà Ch được nhận lại. Do số tiền vợ chồng ông H, bà Ch nhận lại là 2.160.000.000đ nên tổng số tiền thù lao là 280.800.000đ. Vợ chồng ông H, bà Ch đã thanh toán được 218.992.000đ. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông H, bà Ch phải trả cho Văn phòng luật sư P số tiền còn thiếu là 61.808.000đ.

- Về lãi suất:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Văn phòng luật sư P yêu cầu tính lãi suất 8%/ năm tương đương 0.67%/ tháng tính từ ngày khởi kiện 25/11/2015 cho đến khi xét xử xong (là 20 tháng 15 ngày). Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất mà Văn phòng luật sư P yêu cầu là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 61.808.000đ x 0,67%/tháng x 20 tháng 15 ngày = 8.489.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn phòng luật sư P; Buộc vợ chồng ông H, bà Ch phải có trách nhiệm trả cho Văn phòng luật sư P tổng số tiền là 70.297.000đ. Trong đó tiền gốc là 61.808.000đ; tiền lãi là 8.489.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng ông H, bà Ch ngày 24/4/2017 về việc đề nghị hủy bỏ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 24-2015/HĐDVPL ngày 10/9/2015, buộc Văn phòng luật sư P trả lại số tiền 178.000.000đ. Ngày 05/5/2017 Tòa án nhân dân huyện B1 đã thông báo cho ông H nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vợ chồng ông H, bà Ch có quyền đưa ra yêu cầu phản tố nhưng phải trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp D, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong vụ án này, Tòa án đã H hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp D, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/3/2017 và đã ra Quyết định xét xử vào ngày 14/3/2017. Vì vậy, yêu cầu phản tố của vợ chồng ông H, bà Ch là đúng quy định của pháp luật nên cần đình chỉ yêu cầu phản tố, trả lại đơn khởi kiện và trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho vợ chồng ông H, bà Ch.

- Về án phí:

Vụ kiện có giá ngạch, vợ chồng ông H, bà Ch phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 70.297.000đ x 5% = 3.514.850đ.

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Văn phòng luật sư P không phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 513 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn phòng luật sư P đối với vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch phải có trách nhiệm trả cho Văn phòng luật sư P tổng số tiền là 70.297.000đ. Trong đó tiền gốc là 61.808.000đ; tiền lãi là 8.489.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2-/ Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện yêu cầu phân tố của vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch đối với Văn phòng luật sư P.

3-/ Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch phải nộp 3.514.850đ tiền án phí DSST.

Trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Duy H, bà Bùi Thị Ngọc Ch số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu phân tố là 4.450.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004695 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.

Văn phòng luật sư P không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Văn phòng luật sư P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.020.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006567 ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.

4-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện B1;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đức Trường